

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2009

THÔNG TƯ
Ban hành Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Chỉ thị số 14/2001/CT-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông thực hiện Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 51/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy định về đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 12 năm 2009. Thông tư này thay thế Quyết định số 30/2005/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học. Các quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Quốc gia giáo dục;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Như Điều 3;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDTH.



QUY ĐỊNH

Đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 32 /2009/TT-BGDĐT
ngày 27 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học, bao gồm: đánh giá và xếp loại hạnh kiểm; đánh giá và xếp loại học lực; sử dụng kết quả đánh giá và xếp loại; tổ chức thực hiện.

2. Thông tư này áp dụng cho trường tiểu học; lớp tiểu học trong trường phổ thông có nhiều cấp học và trường chuyên biệt; cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học; tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục cấp Tiểu học.

Điều 2. Mục đích đánh giá và xếp loại

1. Góp phần thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tiểu học.

2. Khuyến khích học sinh học tập chuyên cần; phát huy tính tích cực, năng động, sáng tạo, khả năng tự học của học sinh; xây dựng niềm tin, rèn luyện đạo đức theo truyền thống Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá và xếp loại

1. Đánh giá và xếp loại căn cứ theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học và các nhiệm vụ của học sinh.

2. Kết hợp đánh giá định lượng và định tính; kết hợp giữa đánh giá của giáo viên với tự đánh giá của học sinh.

3. Thực hiện công khai, công bằng, khách quan, chính xác và toàn diện.

4. Đánh giá và xếp loại kết quả đạt được và khả năng phát triển từng mặt của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ của học sinh; không tạo áp lực cho cả học sinh và giáo viên.

Chương II

ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM

Điều 4. Nội dung đánh giá

Học sinh được đánh giá về hạnh kiểm theo kết quả rèn luyện đạo đức và kỹ năng sống qua việc thực hiện năm nhiệm vụ của học sinh tiểu học:

1. Thực hiện đầy đủ và có kết quả hoạt động học tập; chấp hành nội quy nhà trường; đi học đều và đúng giờ; giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập.
2. Hiếu thảo với cha mẹ, ông bà; kính trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo, nhân viên và người lớn tuổi; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè và người có hoàn cảnh khó khăn.
3. Rèn luyện thân thể; giữ vệ sinh cá nhân.
4. Tham gia các hoạt động tập thể trong và ngoài giờ lên lớp; giữ gìn, bảo vệ tài sản nơi công cộng; tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường; thực hiện trật tự an toàn giao thông.
5. Góp phần bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường và địa phương.

Điều 5. Cách đánh giá và xếp loại

1. Đánh giá là hoạt động thường xuyên của giáo viên. Khi đánh giá cần chú ý đến quá trình tiến bộ của học sinh, đánh giá cuối năm là quan trọng nhất. Giáo viên ghi nhận xét cụ thể những điểm học sinh đã thực hiện và chưa thực hiện được để có kế hoạch động viên và giúp đỡ học sinh tự tin trong rèn luyện. Giáo viên phối hợp với cha mẹ học sinh để thống nhất các biện pháp giáo dục học sinh.

2. Học sinh được xếp loại hạnh kiểm vào cuối học kì I và cuối năm học theo hai loại như sau :

- a) Thực hiện đầy đủ (Đ);
- b) Thực hiện chưa đầy đủ (CD).

Chương III

ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI HỌC LỰC

Điều 6. Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì

1. Đánh giá thường xuyên được thực hiện ở tất cả các tiết học theo quy định của chương trình nhằm mục đích theo dõi, động viên, khuyến khích hay nhắc nhở học sinh học tập tiến bộ, đồng thời để giáo viên đổi mới phương pháp, điều chỉnh hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục nhằm đạt hiệu quả thiết thực. Đánh giá thường xuyên được tiến hành dưới các hình thức kiểm tra thường xuyên (KTTX), gồm: kiểm tra miệng, kiểm tra viết (dưới 20 phút), quan sát học sinh qua hoạt động học tập, thực hành vận dụng kiến thức, kỹ năng.

2. Đánh giá định kì kết quả học tập của học sinh được tiến hành sau từng giai đoạn học tập, nhằm thu nhận thông tin cho giáo viên và các cấp quản lí để chỉ đạo, điều chỉnh quá trình dạy học; thông báo cho gia đình nhằm mục đích phối hợp đồng viên, giúp đỡ học sinh.

a) Đối với các môn học đánh giá bằng điểm kết hợp với nhận xét: bài kiểm tra định kì được tiến hành dưới hình thức tự luận hoặc kết hợp tự luận và trắc nghiệm trong thời gian 1 tiết.

b) Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét: căn cứ vào các nhận xét trong quá trình học tập, không có bài kiểm tra định kì.

Điều 7. Đánh giá bằng điểm kết hợp với nhận xét

1. Các môn học đánh giá bằng điểm kết hợp với nhận xét gồm: Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc, Tin học.

2. Kết quả học tập của học sinh được ghi nhận bằng điểm kết hợp với nhận xét cụ thể của giáo viên:

a) Điểm theo thang điểm 10, không cho điểm 0 và điểm thập phân ở các bài kiểm tra;

b) Nhận xét của giáo viên về sự tiến bộ của học sinh hoặc những điểm học sinh cần cố gắng, không dùng những từ ngữ gây tổn thương học sinh.

3. Số lần KTTX tối thiểu trong một tháng:

a) Môn Tiếng Việt: 4 lần;

b) Môn Toán: 2 lần;

c) Các môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc, Tin học: 1 lần/môn.

4. Số lần kiểm tra định kì (KTĐK):

a) Các môn Tiếng Việt, Toán mỗi năm học có 4 lần KTĐK vào giữa học kì I (GK I), cuối học kì I (CK I), giữa học kì II (GK II) và cuối năm học (CN); mỗi lần KTĐK môn Tiếng Việt có 2 bài kiểm tra: Đọc, Viết; điểm KTĐK là trung bình cộng của 2 bài (làm tròn 0,5 thành 1);

b) Các môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc, Tin học mỗi năm học có 2 lần KTĐK vào CK I và CN.

5. Học sinh có điểm KTĐK bất thường so với kết quả học tập hàng ngày hoặc không đủ số điểm KTĐK đều được kiểm tra bổ sung.

Điều 8. Đánh giá bằng nhận xét

1. Các môn học đánh giá bằng nhận xét gồm:

a) Ở các lớp 1, 2, 3: Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Âm nhạc, Mĩ thuật, Thủ công, Thể dục;

b) Ở các lớp 4, 5: Đạo đức, Âm nhạc, Mĩ thuật, Kĩ thuật, Thể dục.

2. Kết quả học tập của học sinh không ghi nhận bằng điểm mà bằng các nhận xét theo các mạch nội dung của từng môn học:

a) Các nhận xét được ghi nhận bằng việc thu thập các chứng cứ trong quá trình học tập và hoạt động của học sinh;

b) Nội dung, số lượng nhận xét của mỗi học kì và cả năm học của từng môn học được quy định cụ thể tại Sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh.

Điều 9. Xếp loại học lực từng môn học

Học sinh được xếp loại học lực môn học kì I (HLM.KI) và học lực môn cả năm học (HLM.N) ở mỗi môn học.

1. Đối với các môn học đánh giá bằng điểm kết hợp với nhận xét:

a) Học lực môn:

- HLM.KI là điểm KTĐK.CKI;

- HLM.N là điểm KTĐK.CN.

b) Xếp loại học lực môn:

- Loại Giỏi: học lực môn đạt điểm 9, điểm 10;

- Loại Khá: học lực môn đạt điểm 7, điểm 8;

- Loại Trung bình: học lực môn đạt điểm 5, điểm 6;

- Loại Yếu: học lực môn đạt điểm dưới 5.

2. Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét :

a) Học lực môn:

- HLM.KI là kết quả đánh giá dựa trên các nhận xét đạt được trong học kì I;

- HLM.N là kết quả đánh giá dựa trên các nhận xét đạt được trong cả năm học.

b) Xếp loại học lực môn:

- Loại Hoàn thành (A): đạt được yêu cầu cơ bản về kiến thức, kĩ năng của môn học, đạt được từ 50 % số nhận xét trở lên trong từng học kì hay cả năm học. Những học sinh đạt loại Hoàn thành nhưng có biểu hiện rõ về năng lực học tập môn học, đạt 100% số nhận xét trong từng học kì hay cả năm học được đánh giá là Hoàn thành tốt (A+) và ghi nhận xét cụ thể trong học bạ để nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng;

- Loại Chưa hoàn thành (B): chưa đạt được yêu cầu cơ bản về kiến thức, kĩ năng của môn học, đạt dưới 50 % số nhận xét trong từng học kì hay cả năm học.

Điều 10. Đánh giá học sinh có hoàn cảnh đặc biệt

1. Đối với học sinh khuyết tật:

a) Đánh giá học sinh khuyết tật theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính; đảm bảo quyền được chăm sóc và giáo dục của tất cả học sinh.

b) Nhà trường, giáo viên căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân của từng học sinh; dựa vào mức độ đáp ứng các phương tiện hỗ trợ đặc thù, mức độ và loại khuyết tật để đánh giá theo cách phân loại sau:

- Học sinh khuyết tật có khả năng đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục chung được đánh giá, xếp loại dựa theo các tiêu chí của học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ về yêu cầu.

- Học sinh khuyết tật không đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục chung được đánh giá dựa trên sự tiến bộ của học sinh và không xếp loại đối tượng này.

2. Đối với học sinh lang thang cơ nhỡ học ở các lớp học linh hoạt :

Việc đánh giá học sinh lang thang cơ nhỡ học ở các lớp học linh hoạt dựa trên kết quả kiểm tra hai môn Toán, Tiếng Việt theo chương trình đã điều chỉnh và xếp loại HLM theo quy định tại khoản 1, Điều 9 của Thông tư này. Riêng loại Trung bình, HLM là trung bình cộng điểm KTĐK của hai môn Toán, Tiếng Việt đạt điểm 5 và không có điểm dưới 4.

Chương IV

SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

Điều 11. Xét lên lớp

1. Học sinh được lên lớp thẳng: hạnh kiểm được xếp loại Thực hiện đầy đủ (Đ), đồng thời HLM.N của các môn học đánh giá bằng điểm kết hợp với nhận xét đạt loại Trung bình trở lên và HLM.N của các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Hoàn thành (A).

2. Học sinh chưa đạt yêu cầu về hạnh kiểm, môn học được giúp đỡ rèn luyện, bồi dưỡng, ôn tập để đánh giá bổ sung; được xét lên lớp trong các trường hợp sau đây:

a) Những học sinh được xếp hạnh kiểm vào cuối năm học loại Thực hiện chưa đầy đủ (CĐ) được động viên, giúp đỡ và được đánh giá, xếp loại Thực hiện đầy đủ (Đ).

b) Những học sinh có HLM.N của các môn học đánh giá bằng điểm kết hợp với nhận xét đạt loại Yếu phải kiểm tra bổ sung; điểm của bài kiểm tra bổ sung đạt 5 trở lên. Những học sinh có HLM.N của các môn học đánh giá bằng

nhận xét loại Chưa hoàn thành (B) được bồi dưỡng và đánh giá, xếp loại Hoàn thành (A).

c) Những học sinh chưa đạt yêu cầu về hạnh kiểm và môn học được động viên, giúp đỡ, bồi dưỡng để đánh giá, kiểm tra bổ sung như quy định tại các điểm a, b, khoản 2, Điều 11 của Thông tư này.

3. Mỗi học sinh được bồi dưỡng và kiểm tra bổ sung nhiều nhất là 3 lần/1 môn học vào thời điểm cuối năm học hoặc sau hè.

4. HLM.N của các môn học tự chọn không tham gia xét lên lớp.

Điều 12. Xét hoàn thành chương trình tiểu học

1. Những học sinh lớp 5 có đủ điều kiện như quy định tại khoản 1, Điều 11 của Thông tư này được Hiệu trưởng xác nhận trong học bạ: Hoàn thành chương trình tiểu học.

2. Những học sinh lớp 5 chưa được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học được giúp đỡ, bồi dưỡng như quy định tại khoản 2, Điều 11 của Thông tư này, nếu đạt yêu cầu thì được xét hoàn thành chương trình tiểu học.

3. Đối với học sinh lang thang cơ nhỡ học ở các lớp học linh hoạt, học hết chương trình lớp 5 đã điều chỉnh chỉ kiểm tra hai môn: Tiếng Việt, Toán. Nếu điểm trung bình cộng của hai bài kiểm tra đạt từ điểm 5 trở lên, trong đó, không có bài kiểm tra nào dưới điểm 4 thì được Hiệu trưởng trường tiểu học nơi tổ chức kiểm tra xác nhận: Hoàn thành chương trình tiểu học.

Điều 13. Xếp loại giáo dục và xét khen thưởng

1. Xếp loại giáo dục:

a) Xếp loại Giỏi: những học sinh được xếp hạnh kiểm loại Thực hiện đầy đủ (Đ), đồng thời HLM.N của các môn học đánh giá bằng điểm kết hợp với nhận xét đạt loại Giỏi và HLM.N của các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Hoàn thành (A);

b) Xếp loại Khá: những học sinh được xếp hạnh kiểm loại Thực hiện đầy đủ (Đ), đồng thời HLM.N của các môn học đánh giá bằng điểm kết hợp với nhận xét đạt loại Khá trở lên và HLM.N của các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Hoàn thành (A);

c) Xếp loại Trung bình: những học sinh được lên lớp thẳng nhưng chưa đạt loại Khá, loại Giỏi;

d) Xếp loại Yếu: những học sinh không thuộc các đối tượng trên.

2. Xét khen thưởng:

a) Khen thưởng danh hiệu Học sinh Giỏi cho những học sinh xếp loại Giỏi;

b) Khen thưởng danh hiệu Học sinh Tiên tiến cho những học sinh xếp loại Khá;

c) Khen thưởng thành tích từng môn học, từng mặt cho các học sinh chưa đạt các danh hiệu trên như sau:

- Khen thưởng cho những học sinh đạt HLM.N của từng môn học đạt loại Giỏi hoặc học tập xuất sắc ở những môn học đánh giá bằng nhận xét;
- Khen thưởng cho những học sinh có tiến bộ từng mặt trong rèn luyện, học tập.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo

1. Giám đốc sở giáo dục và đào tạo chỉ đạo các phòng giáo dục và đào tạo tổ chức thực hiện đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học tại các trường tiểu học trên địa bàn quản lý theo quy định tại Thông tư này và báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trưởng phòng giáo dục và đào tạo chỉ đạo Hiệu trưởng các trường tiểu học tổ chức thực hiện đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư này, đồng thời kết hợp tổ chức nghiệm thu, bàn giao kết quả học tập và rèn luyện của học sinh từ lớp dưới lên lớp trên và báo cáo kết quả thực hiện về sở giáo dục và đào tạo.

Điều 15. Trách nhiệm của hiệu trưởng

1. Tổ chức, kiểm tra việc thực hiện các quy định về đánh giá, xếp loại học sinh của giáo viên chủ nhiệm lớp.

2. Duyệt kết quả đánh giá, nhận xét, xếp loại cuối học kì I, cuối năm học của các lớp và chỉ đạo việc xét cho học sinh lên lớp, lưu ban hay kiểm tra đánh giá bổ sung. Tổ chức bồi dưỡng, kiểm tra đánh giá bổ sung. Ký tên xác nhận kết quả ở học bạ sau khi năm học kết thúc.

3. Tiếp nhận và giải quyết các ý kiến của học sinh, khiếu nại của cha mẹ hoặc người giám hộ về đánh giá, nhận xét, xếp loại theo phạm vi và quyền hạn của mình. Thời gian trả lời khiếu nại chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại.

4. Quản lý các hồ sơ về nhận xét, đánh giá, xếp loại của học sinh trong các năm học ở cấp Tiểu học.

5. Chỉ đạo việc nghiệm thu, bàn giao kết quả học tập và rèn luyện của học sinh từ lớp dưới lên lớp trên; có trách nhiệm phối hợp với trường trung học cơ sở trong việc nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục của học sinh hoàn thành chương trình tiểu học lên học trường trung học cơ sở.

Điều 16. Trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm

1. Chịu trách nhiệm chính trong việc đánh giá, xếp loại học sinh theo quy định.

2. Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm, xếp loại học lực từng môn học, xếp loại giáo dục của học sinh cho cha mẹ hoặc người giám hộ. Không thông báo trước lớp và trong cuộc họp cha mẹ học sinh những điểm chưa tốt của từng học sinh.

3. Hoàn thành hồ sơ về đánh giá, xếp loại học sinh; có trách nhiệm phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp trên, hoặc lớp dưới trong việc nghiệm thu, bàn giao và tiếp nhận kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

Điều 17. Trách nhiệm và quyền của học sinh

1. Thực hiện tốt các nhiệm vụ quy định trong Điều lệ trường tiểu học; tiếp thu sự giáo dục của nhà trường để luôn tiến bộ.

2. Có quyền nêu ý kiến và nhận được sự giải thích, hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp, của Hiệu trưởng nhà trường về kết quả đánh giá, xếp loại.

